南無洪名會上佛菩薩。（三遍）
nam mô hồng danh hội thượng phật bồ tát

洪名寶讚

hồng-danh bửu-sám

大慈大悲愍眾生，
đại từ đại bi mẫn chúng sanh

大喜大捨濟含識，
đại hỉ đại xả tế hàm thức

相好光明以自嚴，
tướng hảo quang minh dĩ tự nghiê

眾等志心歸命禮。
chúng đẳng chí tâm quy mạng lễ

南無皈依金剛上師。
nam mô quy y kim cang thượn sư

南無皈依佛。
nam mô quy y phật 001

南無皈依法。
nam mô quy y pháp 002

南無皈依僧。
nam mô quy y tăng 003

我今發心，不為自求，人天福報，
ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhơn thiên phướ báo

聲聞、緣覺、乃至權乘諸位菩薩，
thanh văn duyên giác nãi chí quyền thừa chư vị bồ tát

唯	依	最	上	乘	，	發	菩	提	心	，	願	與	法	界	眾	生
duy	y	tối	thượn	thừa		phát	bồ	đề	tâm		nguyệ	dữ	pháp	giới	chúng	sanh
一	時	同	得	阿	耨	多	羅	三	藐	三	菩	提	。			
nhứt	thời	đồng	đắc	a	nậu	đa	la	tam	miệu	tam	bồ	đề	004			
南	無	皈	依	十	方	，	盡	虛	空	界	，	一	切	諸	佛	。
nam	mô	quy	y	thập	phươ		tận	hư	không	giới			thiết	chư	phật	005
（	一	拜	）													
南	無	皈	依	十	方	，	盡	虛	空	界	，	一	切	尊	法	。
nam	mô	quy	y	thập	phươ		tận	hư	không	giới		nhứt	thiết	tôn	pháp	006
南	無	皈	依	十	方	，	盡	虛	空	界	。	一	切	賢	聖	僧
nam	mô	quy	y	thập	phươ		tận	hư	không	giới		nhứt	thiết	hiền	thánh	tăng
。	（	一	拜	）												
007																
南	無	如	來	、	應	供	、	正	遍	知	、	明	行	足	、	
nam	mô	như	lai		ứng	cúng		chánh	biến	tri		minh	hạnh	túc		
善	逝	世	間	解	、	無	上	士	、	調	御	丈	夫	、		
thiện	thệ	thế	gian	giải		mô	thượn	sĩ		điều	ngự	trượn	phu			
天	人	師	、	佛	、	世	尊	。	（	一	拜	）				
thiên	nhơn	sư		phật		thế	tôn	008								
南	無	普	光	佛	。	（	一	拜	）							
nam	mô	phổ	quang	phật	009											
南	無	普	明	佛	。	（	一	拜	）							
nam	mô	phổ	minh	phật	010											
南	無	普	淨	佛	。	（	一	拜	）							
nam	mô	phổ	tịnh	phật	011											
南	無	多	摩	羅	跋	栴	檀	香	佛	。	（	一	拜	）		
nam	mô	đa	ma	la	bạt	chiên	đàn	hươn	phật	012						

南	無	栴	檀	光	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	chiên	đàn	quang	phật	013										
南	無	摩	尼	幢	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	ma	ni	tràng	phật	014										
南	無	歡	喜	藏	摩	尼	寶	積	佛	。	（	一	拜	）		
nam	mô	hoan	hỉ	tạng	ma	ni	bảo	tích	phật	015						
南	無	一	切	世	間	樂	見	上	大	精	進	佛	。			
nam	mô	nhứt	thiết	thế	gian	nhạo	kiến	thượn	đại	tinh	tấn	phật	016			
（	一	拜	）													
南	無	摩	尼	幢	燈	光	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	ma	ni	tràng	đăng	quang	phật	017								
南	無	慧	炬	照	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	huệ	cự	chiếu	phật	018										
南	無	海	德	光	明	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	hải	đức	quang	minh	phật	019									
南	無	金	剛	牢	強	普	散	金	光	佛	。	（	一	拜	）	
nam	mô	kim	cang	lao	cườn	phổ	tán	kim	quang	phật	020					
南	無	大	強	精	進	勇	猛	佛	。	（	一	拜	）			
nam	mô	đại	cườn	tinh	tấn	dõng	mãnh	phật	021							
南	無	大	悲	光	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	đại	bi	quang	phật	022										
南	無	慈	力	王	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	từ	lực	vươn	phật	023										
南	無	慈	藏	佛	。	（	一	拜	）							
nam	mô	từ	tạng	phật	024											
南	無	栴	檀	窟	莊	嚴	勝	佛	。	（	一	拜	）			
nam	mô	chiên	đàn	khốt	trang	nghiê	thắng	phật	025							

南	無	賢	善	首	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	hiền	thiện	thủ	phật	026										
南	無	善	意	佛	。	（	一	拜	）							
nam	mô	thiện	ý	phật	027											
南	無	廣	莊	嚴	王	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	quảng	trang	nghiê	vươn	phật	028									
南	無	金	華	光	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	kim	hoa	quang	phật	029										
南	無	寶	蓋	照	空	自	在	力	王	佛	。	（	一	拜	）	
nam	mô	bảo	cái	chiếu	không	tự	tại	lực	vươn	phật	030					
南	無	虛	空	寶	華	光	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	hư	không	bảo	hoa	quang	phật	031								
南	無	琉	璃	莊	嚴	王	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	lưu	ly	trang	nghiê	vươn	phật	032								
南	無	普	現	色	身	光	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	phổ	hiện	sắc	thân	quang	phật	033								
南	無	不	動	智	光	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	bất	động	trí	quang	phật	034									
南	無	降	伏	眾	魔	王	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	hàng	phục	chúng	ma	vươn	phật	035								
南	無	才	光	明	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	tài	quang	minh	phật	036										
南	無	智	慧	勝	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	trí	huệ	thắng	phật	037										
南	無	彌	勒	仙	光	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	di	lặc	tiên	quang	phật	038									
南	無	善	寂	月	音	妙	尊	智	王	佛	。	（	一	拜	）	
nam	mô	thiện	tịch	nguyệ	âm	diệu	tôn	trí	vươn	phật	039					

南	無	世	淨	光	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	thế	tịnh	quang	phật	040										
南	無	龍	種	上	尊	王	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	long	chủng	thượn	tôn	vươn	phật	041								
南	無	日	月	光	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	nhựt	nguyệ	quang	phật	042										
南	無	日	月	珠	光	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	nhựt	nguyệ	châu	quang	phật	043									
南	無	慧	幢	勝	王	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	huệ	tràng	thắng	vươn	phật	044									
南	無	師	子	吼	自	在	力	王	佛	。	（	一	拜	）		
nam	mô	sư	tử	hẩu	tự	tại	lực	vươn	phật	045						
南	無	妙	音	勝	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	diệu	âm	thắng	phật	046										
南	無	常	光	幢	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	thườn	quang	tràng	phật	047										
南	無	觀	世	燈	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	quán	thế	đăng	phật	048										
南	無	慧	威	燈	王	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	huệ	oai	đăng	vươn	phật	049									
南	無	法	勝	王	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	pháp	thắng	vươn	phật	050										
南	無	須	彌	光	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	tu	di	quang	phật	051										
南	無	須	曼	那	華	光	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	tu	ma	na	hoa	quang	phật	052								
南	無	優	曇	鉢	羅	華	殊	勝	王	佛	。	（	一	拜	）	
nam	mô	ưu	đàm	bát	la	hoa	thù	thắng	vươn	phật	053					

南	無	大	慧	力	王	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	đại	huệ	lực	vươn	phật	054									
南	無	阿	閦	毗	歡	喜	光	佛	。	（	一	拜	）			
nam	mô	a	súc	tỳ	hoan	hỉ	quang	phật	055							
南	無	無	量	音	聲	王	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	mô	lượng	âm	thanh	vươn	phật	056								
南	無	才	光	佛	。	（	一	拜	）							
nam	mô	tài	quang	phật	057											
南	無	金	海	光	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	kim	hải	quang	phật	058										
南	無	山	海	慧	自	在	通	王	佛	。	（	一	拜	）		
nam	mô	sơn	hải	huệ	tự	tại	thông	vươn	phật	059						
南	無	大	通	光	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	đại	thông	quang	phật	060										
南	無	一	切	法	幢	滿	王	佛	。	（	一	拜	）			
nam	mô	nhứt	thiết	pháp	tràng	mãn	vươn	phật	061							
南	無	釋	迦	牟	尼	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	thích	ca	mâu	ni	phật	062									
南	無	金	剛	不	壞	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	kim	cang	bất	hoại	phật	063									
南	無	寶	光	佛	。	（	一	拜	）							
nam	mô	bảo	quang	phật	064											
南	無	龍	尊	王	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	long	tôn	vươn	phật	065										
南	無	精	進	軍	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	tinh	tấn	quân	phật	066										
南	無	精	進	喜	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	tinh	tấn	hỉ	phật	067										

南	無	寶	火	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	bảo	hỏa	phật	068										
南	無	寶	月	光	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	bảo	nguyệ	quang	phật	069									
南	無	現	無	愚	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	hiện	vô	ngu	phật	070									
南	無	寶	月	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	bảo	nguyệ	phật	071										
南	無	無	垢	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	vô	cấu	phật	072										
南	無	離	垢	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	ly	cấu	phật	073										
南	無	勇	施	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	dõng	thí	phật	074										
南	無	清	淨	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	thanh	tịnh	phật	075										
南	無	清	淨	施	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	thanh	tịnh	thí	phật	076									
南	無	娑	留	那	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	ta	lưu	na	phật	077									
南	無	水	天	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	thủy	thiên	phật	078										
南	無	堅	德	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	kiên	đức	phật	079										
南	無	栴	檀	德	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	chiên	đàn	đức	phật	080									
南	無	無	量	掬	光	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	vô	lượng	cúc	quang	phật	081								

南	無	光	德	佛	。	（	一	拜	）							
nam	mô	quang	đức	phật	082											
南	無	無	憂	德	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	vô	ưu	đức	phật	083										
南	無	那	羅	延	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	na	la	diên	phật	084										
南	無	功	德	華	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	công	đức	hoa	phật	085										
南	無	蓮	華	光	遊	戲	神	通	佛	。	（	一	拜	）		
nam	mô	liên	hoa	quang	du	hí	thần	thông	phật	086						
南	無	財	功	德	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	tài	công	đức	phật	087										
南	無	德	念	佛	。	（	一	拜	）							
nam	mô	đức	niệm	phật	088											
南	無	善	名	稱	功	德	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	thiện	danh	xưng	công	đức	phật	089								
南	無	紅	燄	帝	幢	王	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	hồng	diệm	đế	tràng	vươn	phật	090								
南	無	善	遊	步	功	德	佛	。	（	一	拜	）				
nam	mô	thiện	du	bộ	công	đức	phật	091								
南	無	鬪	戰	勝	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	đấu	chiến	thắng	phật	092										
南	無	善	遊	步	佛	。	（	一	拜	）						
nam	mô	thiện	du	bộ	phật	093										
南	無	周	匝	莊	嚴	功	德	佛	。	（	一	拜	）			
nam	mô	châu	tráp	trang	nghiê	công	đức	phật	094							
南	無	寶	華	遊	步	佛	。	（	一	拜	）					
nam	mô	bảo	hoa	du	bộ	phật	095									

南	無	寶	蓮	華	善	住	娑	羅	樹	王	佛	。	（	一	拜	）
nam	mô	bảo	liên	hoa	thiện	trụ	ta	la	thọ	vươn	phật	096				
南	無	法	界	藏	身	阿	彌	陀	佛	。	（	一	拜	）		
nam	mô	pháp	giới	tạng	thân	a	di	đà	phật	097						
如	是	等	，	一	切	世	界	，	諸	佛	世	尊	，			
như	thị	đẳng		nhứt	thiết	thế	giới		chư	phật	thế	tôn				
常	住	在	世	，	是	諸	世	尊	，	當	慈	念	我	。		
thườn	trụ	tại	thế		thị	chư	thế	tôn		đươn	từ	niệm	ngã			
若	我	此	生	、	若	我	前	生	，							
nhượ	ngã	thử	sanh		nhượ	ngã	tiền	sanh								
從	無	始	生	死	以	來	，									
tùng	vô	thỉ	sanh	tử	dĩ	lai										
所	作	眾	罪	，	若	自	作	、								
sở	tác	chúng	tội		nhượ	tự	tác									
若	教	他	作	、	見	作	隨	喜	。							
nhượ	giáo	tha	tác		kiến	tác	tùy	hỉ								
若	塔	、	若	僧	、	若	四	方	僧	物	、	若	自	取	、	
nhượ	tháp		nhượ	tăng		nhượ	tứ	phươ	tăng	vật		nhượ	tự	thủ		
若	教	他	取	、	見	取	隨	喜	。							
nhượ	giáo	tha	thủ		kiến	thủ	tùy	hỉ								
五	無	間	罪	，	若	自	作	、	若	教	他	作	、			
ngũ	vô	gian	tội		nhượ	tự	tác		nhượ	giáo	tha	tác				
見	作	隨	喜	。												
kiến	tác	tùy	hỉ													
十	不	善	道	，	若	自	作	、								
thập	bất	thiện	đạo		nhượ	tự	tác									
若	教	他	作	、	見	作	隨	喜	。							
nhượ	giáo	tha	tác		kiến	tác	tùy	hỉ								

所	作	罪	障	，	或	有	覆	藏	、	或	不	覆	藏	，		
sở	tác	tội	chướ		hoặc	hữu	phú	tạng		hoặc	bất	phú	tàng			
應	墮	地	獄	、	餓	鬼	、	畜	生	nhược	諸	餘	、			
ứng	đọa	địa	ngục		ngạ	quỉ		súc	sanh		chư	dư				
惡	趣	、	邊	地	、	下	賤	，	及	蔑	戾	車	，			
ác	thú		biên	địa		hạ	tiện		cập	miệt	lệ	xa				
如	是	等	處	，	所	作	罪	障	，							
như	thị	đẳng	xứ		sở	tác	tội	chướ								
今	皆	懺	悔	。	（	一	拜	）								
kim	giai	sám	hối	098												
今	諸	佛	世	尊	，	當	證	知	我	，	當	憶	念	我	，	
kim	chư	phật	thế	tôn		đươn	chứng	tri	ngã		đươn	ức	niệm	ngã		
我	復	於	諸	佛	世	尊	前	，	作	如	是	言	：			
ngã	phục	ư	chư	phật	thế	tôn	tiền		tác	như	thị	ngôn				
若	我	此	生	，	若	我	餘	生	，	曾	行	布	施	，		
nhược	ngã	thử	sanh		nhược	ngã	dư	sanh		tằng	hạnh	bố	thí			
或	守	淨	戒	，	乃	至	施	與	畜	生	，	一	摶	之	食	，
hoặc	thủ	tịnh	giới		nãi	chí	thí	dữ	súc	sanh		nhứt	đoàn	chi	thực	
或	修	淨	行	，	所	有	善	根	。	成	就	眾	生	，		
hoặc	tu	tịnh	hạnh		sở	hữu	thiện	căn		thành	tựu	chúng	sanh			
所	有	善	根	，	修	行	菩	提	，	所	有	善	根	，		
sở	hữu	thiện	căn		tu	hạnh	bồ	đề		sở	hữu	thiện	căn			
及	無	上	智	，	所	有	善	根	，	一	切	合	集	，		
cập	vô	thượn	trí		sở	hữu	thiện	căn		nhứt	thiết	hiệp	tập			
校	計	籌	量	，	皆	悉	迴	向	，							
giảo	kế	trù	lượng		giai	tất	hồi	hướn								
阿	耨	多	羅	三	藐	三	菩	提	；							
a	nậu	đa	la	tam	miệu	tam	bồ	đề								

如	過	去	未	來	、	現	在	諸	佛	，	所	作	迴	向	，	
như	quá	khứ	vị	lai		hiện	tại	chư	phật		sở	tác	hồi	hướn		
我	亦	如	是	迴	向	，	眾	罪	皆	懺	悔	，				
ngã	diệc	như	thị	hồi	hướn		chúng	tội	giai	sám	hối					
諸	福	盡	隨	喜	，	及	請	佛	功	德	，					
chư	phướ	tận	tùy	hỉ		cập	thỉnh	phật	công	đức						
願	成	無	上	智	。	（	一	拜	）							
nguyệ	thành	vô	thượn	trí												
去	來	現	在	佛	，	於	眾	生	最	勝	，					
khứ	lai	hiện	tại	phật		ư	chúng	sanh	tối	thắng						
無	量	功	德	海	，	我	今	歸	命	禮	。	（	一	拜	）	
mô	lượng	công	đức	hải		ngã	kim	quy	mạng	lễ						
所	有	十	方	世	界	中	，	三	世	一	切	人	師	子	，	
sở	hữu	thập	phươ	thế	giới	trung		tam	thế	nhứt	thiết	nhơn	sư	tử		
我	以	清	淨	身	語	意	，	一	切	遍	禮	盡	無	餘	。	
ngã	dĩ	thanh	tịnh	thân	ngữ	ý		nhứt	thiết	biến	lễ	tận	vô	dư		
普	賢	行	願	威	神	力	，	普	現	一	切	如	來	前	，	
phổ	hiền	hạnh	nguyệ	oai	thần	lực		phổ	hiện	nhứt	thiết	như	lai	tiền		
一	身	復	現	剎	塵	身	，									
nhứt	thân	phục	hiện	sát	trần	thân										
一	一	遍	禮	剎	塵	佛	。	（	一	拜	）					
nhứt	nhứt	biến	lễ	sát	trần	phật	100									
於	一	塵	中	塵	數	佛	，	各	處	菩	薩	眾	會	中	，	
ư	nhứt	trần	trung	trần	số	phật		các	xử	bồ	tát	chúng	hội	trung		
無	盡	法	界	塵	亦	然	，	深	信	諸	佛	皆	充	滿	，	
vô	tận	pháp	giới	trần	diệc	nhiên		thâm	tín	chư	phật	giai	sung	mãn		
各	以	一	切	音	聲	海	，	普	出	無	盡	妙	言	辭	，	
các	dĩ	nhứt	thiết	âm	thanh	hải		phổ	xuất	vô	tận	diệu	ngôn	từ		

盡	於	未	來	一	切	劫	，	讚	佛	甚	深	功	德	海	。	
tận	ư	vị	lai	nhứt	thiết	kiếp		tán	phật	thậm	thâm	công	đức	hải		
（	一	拜	）													
以	諸	最	勝	妙	華	鬘	，	伎	樂	塗	香	及	傘	蓋	，	
dĩ	chư	tối	thắng	diệu	hoa	man		kỷ	nhạo	đồ	hươn	cập	tán	cái		
如	是	最	勝	莊	嚴	具	，	我	以	供	養	諸	如	來	。	
như	thị	tối	thắng	trang	nghiê	cụ		ngã	dĩ	cúng	dườn	chư	như	lai		
最	勝	衣	服	最	勝	香	，	末	香	燒	香	與	燈	燭	，	
tối	thắng	y	phục	tối	thắng	hươn		mạc	hươn	thiêu	hươn	dữ	đăng	chúc		
一	一	皆	如	妙	高	聚	，	我	悉	供	養	諸	如	來	。	
nhứt	nhứt	giai	như	diệu	cao	tụ		ngã	tất	cúng	dườn	chư	như	lai		
我	以	廣	大	勝	解	心	，	深	信	一	切	三	世	佛	，	
ngã	dĩ	quảng	đại	thắng	giải	tâm		thâm	tín	nhứt	thiết	tam	thế	phật		
悉	以	普	賢	行	願	力	，	普	遍	供	養	諸	如	來	。	
tất	dĩ	phổ	hiền	hạnh	nguyệ	lực		phổ	biến	cúng	dườn	chư	như	lai		
（	一	拜	）													
我	昔	所	造	諸	惡	業	，	皆	由	無	始	貪	瞋	癡	，	
ngã	tích	sở	tạo	chư	ác	nghiệ		giai	do	vô	thỉ	tham	sân	si		
從	身	語	意	之	所	生	，	一	切	我	今	皆	懺	悔	。	
tùng	thân	ngữ	ý	chi	sở	sanh		nhứt	thiết	ngã	kim	giai	sám	hối		
（	一	拜	）													
十	方	一	切	諸	眾	生	，	二	乘	有	學	及	無	學	，	
thập	phươ	nhứt	thiết	chư	chúng	sanh		nhị	thừa	hữu	học	cập	vô	học		
一	切	如	來	與	菩	薩	，	所	有	功	德	皆	隨	喜	。	
nhứt	thiết	như	lai	dữ	bồ	tát		sở	hữu	công	đức	giai	tùy	hỉ		

（	一	拜	）													
十	方	所	有	世	間	燈	，	最	初	成	就	菩	提	者	，	
thập	phươ	sở	hữu	thế	gian	đăng		tối	sơ	thành	tựu	bồ	đề	giả		
我	今	一	切	皆	勸	請	，	轉	於	無	上	妙	法	輪	。	
ngã	kim	nhứt	thiết	giai	khuyế	thỉnh		chuyể	ư	vô	thượn	diệu	pháp	luân		
（	一	拜	）													
諸	佛	若	欲	示	涅	槃	，	我	悉	至	誠	而	勸	請	，	
chư	phật	nhượ	dục	thị	niết	bàn		ngã	tất	chí	thành	nhi	khuyế	thỉnh		
惟	願	久	住	剎	塵	劫	，	利	樂	一	切	諸	眾	生	。	
duy	nguyệ	cửu	trụ	sát	trần	kiếp		lợi	nhạo	nhứt	thiết	chư	chúng	sanh	106	
（	一	拜	）													
所	有	禮	讚	供	養	福	，	請	佛	住	世	轉	法	輪	，	
sở	hữu	lễ	tán	cúng	dườn	phướ		thỉnh	phật	trụ	thế	chuyể	pháp	luân		
隨	喜	懺	悔	諸	善	根	，	迴	向	眾	生	及	佛	道	。	
tùy	hỉ	sám	hối	chư	thiện	căn		hồi	hướn	chúng	sanh	cập	phật	đạo	107	
願	將	以	此	勝	功	德	，	迴	向	無	上	真	法	界	，	
nguyệ	tương	dĩ	thử	thắng	công	đức		hồi	hướn	mô	thượn	chơn	pháp	giới		
性	相	佛	法	及	僧	伽	，	二	諦	融	通	三	昧	印	。	
tánh	tướng	phật	pháp	cập	tăng			nhị	đế	dung	thông	tam	muội	ấn		
如	是	無	量	功	德	海	，	我	今	皆	悉	盡	迴	向	，	
như	thị	vô	lượng	công	đức	hải		ngã	kim	giai	tất	tận	hồi	hướn		
所	有	眾	生	身	口	意	，	見	惑	彈	謗	我	法	等	。	
sở	hữu	chúng	sanh	thân	khẩu	ý		kiến	hoặc	đàn	báng	ngã	pháp	đẳng		
如	是	一	切	諸	業	障	，	悉	皆	消	滅	盡	無	餘	，	
như	thị	nhứt	thiết	chư	nghiệ	chướ		tất	giai	tiêu	diệt	tận	vô	dư		

念	念	智	周	於	法	界	，	廣	度	眾	生	皆	不	退	。	
niệm	niệm	trí	châu	ư	pháp	giới		quảng	độ	chúng	sanh	giai	bất	thối		
乃	至	虛	空	世	界	盡	，	眾	生	及	業	煩	惱	盡	，	
nãi	chí	hư	không	thế	giới	tận		chúng	sanh	cập	nghiệ	phiền	não	tận		
如	是	四	法	廣	無	邊	，	願	今	迴	向	亦	如	是	。	
như	thị	tứ	pháp	quảng	vô	biên		nguyệ	kim	hồi	hướn	diệc	như	thị		
（	一	拜	）													
南	無	大	行	普	賢	菩	薩	。	（	三	稱	、	一	拜	）	
nam	mô	đại	hạnh	phổ	hiền	bồ	tát									